



máo mao chóng

毛毛虫

noun · caterpillar

Example Sentences

Shù shàng yǒu yī zhī máo mao chóng

树上有一只毛毛虫。

There is a caterpillar on the tree.

Máo mao chóng màn màn biàn chéng le hú dié

毛毛虫慢慢变成了蝴蝶。

The caterpillar slowly turned into a butterfly.

Hái zǐ hài pà máo mao chóng bù gǎn kào jìn

孩子害怕毛毛虫，不敢靠近。

The child is afraid of caterpillars and dares not get close.

Trace each character, then write the word on your own.

毛	毛	毛	毛	毛	毛	毛								
毛	毛	毛	毛	毛	毛	毛								
虫	虫	虫	虫	虫	虫	虫	虫	虫						